

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1331/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 696/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/230A ấp 19 (Tân Lập), xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn M H, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 2/230A ấp 19 (Tân Lập), xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số ấp 19 (Tân Lập), xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án nguyên đơn là bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn M H kết hôn với nhau từ năm 2013 và đăng ký kết hôn ngày 22/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giấy chứng nhận kết hôn số 128 quyển số 01. Quá trình chung sống thời gian đầu bà L, ông H hạnh phúc, sau khi bà L sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà L, ông H và gia đình đã cùng nhau hoà giải nhiều lần để tiếp tục duy trì hôn nhân nhưng không thành. Cuộc sống chung không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L và ông H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Từ khi ly thân ông H đã dọn ra ngoài sống riêng tại địa chỉ nhà không số ấp 19 (Tân Lập), xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn M H để ổn định cuộc sống lo cho con.

Về con chung: Bà L khai nhận bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn H P, sinh ngày 31/10/2014. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn H P, sinh ngày 31/10/2014 và bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà L buôn bán nước giải khát thu nhập khoảng 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/1 tháng, bà L thuê nhà ở cùng con cuộc sống ổn định, đã từ lâu một mình bà L luôn phải làm việc để lo cho cuộc sống gia đình và cho con học hành nên bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà L cam kết sau khi ly hôn một mình bà có thể chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt cho con chung.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L cam kết tự nguyện chịu án phí.

Bị đơn là ông Nguyễn M H đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt tại các buổi hòa giải, phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do. Ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn M H đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn M H nhưng ông H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do nên giữa các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con sau ly hôn và bị đơn cư trú tại nhà không số ấp 19 (Tân Lập), xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn M H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn M H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01 ngày 22/8/2014 có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn M H và bà Huỳnh Thị L là hợp pháp.

[3.2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rất ngột ngạt ảnh hưởng đến môi trường sống của con, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L, ông H và gia đình đã cùng nhau hòa giải nhiều lần đều không thành. Bà L, ông H đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Từ khi ly thân ông H đã dọn ra ngoài sống riêng tại địa chỉ nhà không số ấp 19 (Tân Lập), xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần giải thích, động viên bà L đoàn tụ gia đình, vợ chồng cùng cho nhau cơ hội để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Nhưng bà L cho rằng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

[3.4]. Về phần ông H, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông H không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do, điều này cho thấy ông H đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[3.5]. Trong suốt thời gian 02 vợ chồng sống ly thân cũng như thời gian bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông H cũng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều này chứng tỏ ông

H cũng không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này để vợ chồng cùng vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình.

[3.6]. Nhận thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, giữa bà L và ông H đã trải qua thời gian ly thân dài, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Như vậy, bà L và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.7]. Xét mâu thuẫn chung giữa bà L và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. *Về con chung*: Theo lời khai của bà L và căn cứ bản sao giấy khai sinh số 018/2015, quyền số 01/2015 ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp có cơ sở xác định trẻ Nguyễn H P, sinh ngày 31/10/2014 có cha là ông Nguyễn M H và mẹ là bà Huỳnh Thị L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Nguyễn M H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trẻ Nguyễn H P hiện tại đang sống ổn định cùng bà L và căn cứ bản tự khai ngày 12/6/2024 của trẻ Phúc thì nguyện vọng của trẻ muốn được sống cùng với mẹ. Theo bà L khai bà buôn bán nước giải khát thu nhập khoảng 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/1 tháng, bà L thuê nhà ở cùng con cuộc sống ổn định, đã từ lâu một mình bà L luôn phải làm việc để lo cho cuộc sống gia đình và cho con học hành nên bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà L cam kết sau khi ly hôn một mình bà có thể chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt cho con chung. Căn cứ hợp đồng thuê nhà do bà L cung cấp có cơ sở xác định bà có chỗ ở ổn định. Ông H cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con, để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển bình thường về tâm sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của trẻ Phúc và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5]. *Về tài sản chung*: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[8]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn M H:

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn M H.

3. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn H P, sinh ngày 31/10/2014 cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn. Ghi nhận ý kiến của bà Huỳnh Thị L không yêu cầu ông Nguyễn M H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị L xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị L xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0024896 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Huỳnh Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Hóc Môn, TP. HCM;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã X, H.Học Môn,
TP.HCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương